

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUÝ

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
1	AAA	HOSE	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	50	9,900	50	90
2	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	50	31,000	50	90
3	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	16,900	30	90
4	ACG	HOSE	CTCP Gỗ An Cường	50	41,300	50	90
5	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	30	11,800	30	90
6	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần đầu tư An Gia	50	22,300	50	90
7	AGR	HOSE	CTCP Chứng khoán Agribank	50	22,500	50	90
8	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50	30,800	50	90
9	ASM	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI	30	11,000	30	90
10	AST	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng không Taseco	50	80,000	50	90
11	BAB	HNX	Ngân hàng Bắc Á	30	15,300	30	90
12	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BaF Việt Nam	50	39,000	50	90
13	BCM	HOSE	Becamex IDC	50	78,000	50	90
14	BFC	HOSE	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	50	52,400	50	90
15	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	51,500	50	90
16	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	48,000	50	90
17	BMC	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	50	22,300	50	90
18	BMI	HOSE	Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	50	25,900	50	90
19	BMP	HOSE	Công ty cổ phần nhựa Bình Minh	50	170,000	50	90
20	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	50	60,000	50	90
21	BSR	HOSE	CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn	50	35,000	50	90
22	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	70,000	50	90
23	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50	46,400	50	90
24	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	50	56,200	50	90
25	CAP	HNX	Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	50	43,000	50	90
26	CCL	HOSE	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	9,300	30	90
27	CDC	HOSE	Công ty Cổ Phần Chương Dương	30	21,000	30	90
28	CDN	HNX	CTCP Cảng Đà Nẵng	30	37,900	30	90
29	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O	50	28,000	50	90
30	CHP	HOSE	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung	30	35,200	30	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
31	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50	21,600	50	90
32	CKG	HOSE	Xây dựng Kiên Giang	30	16,000	30	90
33	CLC	HOSE	Công ty cổ phần Cát Lợi	30	57,800	30	90
34	CMG	HOSE	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	50	53,700	50	90
35	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	32,900	50	90
36	CRC	HOSE	Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam	50	14,300	50	90
37	CSC	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	30	22,000	30	90
38	CSM	HOSE	Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	50	18,000	50	90
39	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50	43,100	50	90
40	CTD	HOSE	Công ty cổ phần Xây dựng Cotec	50	95,000	50	90
41	CTF	HOSE	CTCP City Auto	30	25,700	30	90
42	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	50	56,000	50	90
43	CTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	29,300	50	90
44	CTR	HOSE	Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	118,000	50	90
45	CTS	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	50	48,000	50	90
46	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	50	46,200	50	90
47	DBC	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50	33,500	50	90
48	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	60,300	50	90
49	DC4	HOSE	CTCP Xây dựng DIC Holdings	50	15,800	50	90
50	DCL	HOSE	Dược phẩm Cửu Long	30	28,100	30	90
51	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	46,000	50	90
52	DGC	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	50	123,100	50	90
53	DGW	HOSE	Công ty cổ phần Thế giới số	50	52,000	50	90
54	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hoá An	50	52,500	50	90
55	DHC	HOSE	Công ty cổ phần Đồng Hải Bến Tre	50	36,200	50	90
56	DHG	HOSE	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	50	116,200	50	90
57	DHT	HNX	Dược phẩm Hà Tây	50	82,000	50	90
58	DIG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	27,800	50	90
59	DL1	HNX	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Alpha Seven	30	9,000	30	90
60	DMC	HOSE	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	30	70,700	30	90
61	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm trung ương 3	50	56,200	50	90
62	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Đạt Phương	50	59,600	50	90
63	DPM	HOSE	Tổng công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP	50	37,900	50	90
64	DPR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú	50	46,900	50	90
65	DRC	HOSE	Công Ty Cổ Phần Cao Su Đà Nẵng	50	22,500	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
66	DSC	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	30	23,000	30	90
67	DSE	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán DNSE	50	30,000	50	90
68	DSN	HOSE	CTCP Công viên nước Đầm Sen	30	58,800	30	90
69	DTD	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	27,900	50	90
70	DVM	HNX	CTCP Dược liệu Việt Nam	30	8,800	30	90
71	DVP	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển cảng Đình Vũ	50	82,400	50	90
72	DXG	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh	50	20,100	50	90
73	DXP	HNX	Cảng Đoàn Xá	50	14,800	50	90
74	DXS	HOSE	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	12,200	50	90
75	EIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	50	33,000	50	90
76	ELC	HOSE	Phát triển Công nghệ ĐT - VT	50	29,700	50	90
77	EVF	HOSE	Tài chính điện lực	50	17,500	50	90
78	FCN	HOSE	Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	50	23,200	50	90
79	FIR	HOSE	CTCP địa ốc First Real	30	9,500	30	90
80	FIT	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	30	5,500	30	90
81	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	44,300	50	90
82	FPT	HOSE	Công ty cổ phần FPT	50	126,700	50	90
83	FRT	HOSE	Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	150,000	50	90
84	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	45,400	50	90
85	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam CTCP	50	76,400	50	90
86	GDT	HOSE	Gỗ Đức Thành	50	25,100	50	90
87	GEE	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX	30	105,000	30	90
88	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	50	18,800	50	90
89	GEX	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	50	53,500	50	90
90	GIL	HOSE	Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh	30	25,600	30	90
91	GMD	HOSE	Công ty cổ phần Gemadept	50	75,000	50	90
92	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	50	16,000	50	90
93	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	50	35,800	50	90
94	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	76,500	50	90
95	HAX	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	16,500	50	90
96	HCD	HOSE	CTCP Đầu tư Sản xuất và thương mại HCD	30	10,100	30	90
97	HCM	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	33,000	50	90
98	HDB	HOSE	Ngân hàng HD bank	50	36,000	50	90
99	HDC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	50	40,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
100	HDG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	35,000	50	90
101	HHP	HOSE	Công ty cổ phần HHP GLOBAL	50	11,500	50	90
102	HHS	HOSE	Công ty Cổ Phần Đầu tư - Dịch vụ Hoàng Huy	50	17,500	50	90
103	HHV	HOSE	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50	17,000	50	90
104	HPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	33,000	50	90
105	HPX	HOSE	CTCP Đầu tư Hải Phát	30	5,000	30	90
106	HQC	HOSE	CTCP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân	50	3,000	50	90
107	HSG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	23,500	50	90
108	HT1	HOSE	Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	50	18,500	50	90
109	HTG	HOSE	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	30	53,700	30	90
110	HTI	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	30	26,200	30	90
111	HTN	HOSE	Hưng Thịnh Incons	30	15,600	30	90
112	HUB	HOSE	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	30	22,400	30	90
113	HUT	HNX	Công ty Cổ phần Tasco	50	17,700	50	90
114	HVH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	14,900	50	90
115	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	50	42,700	50	90
116	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO	50	52,000	50	90
117	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	30	10,800	30	90
118	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	36,200	30	90
119	IJC	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	50	16,600	50	90
120	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	30	37,300	30	90
121	IMP	HOSE	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	50	58,000	50	90
122	IPA	HNX	Tập đoàn IPA	50	25,000	50	90
123	ITC	HOSE	CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà	50	19,300	50	90
124	ITD	HOSE	Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	30	15,500	30	90
125	IVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)	30	12,900	30	90
126	KBC	HOSE	Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	50	43,000	50	90
127	KDC	HOSE	Công ty cổ phần Kinh Đô	50	57,800	50	90
128	KDH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	40,000	50	90
129	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	30	9,200	30	90
130	KHP	HOSE	CTCP Điện lực Khánh Hòa	30	15,000	30	90
131	KHS	HNX	CTCP Kiên Hùng	30	24,500	30	90
132	KSB	HOSE	Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	23,600	50	90
133	KSV	HNX	Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP	50	125,000	50	90
134	L14	HNX	Công ty Cổ phần Licogi 14	50	36,000	50	90
135	L18	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18)	30	33,000	30	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
136	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao	50	22,000	50	90
137	LBM	HOSE	CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG	30	35,700	30	90
138	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LICOGI 16	50	15,000	50	90
139	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	50	88,200	50	90
140	LHG	HOSE	CTCP Long Hậu	50	39,700	50	90
141	LIX	HOSE	Công ty cổ phần Bột giặt Lix	50	37,600	50	90
142	LPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	50	41,000	50	90
143	LSS	HOSE	Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn	50	13,200	50	90
144	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50	32,100	50	90
145	MBS	HNX	CTCP Chứng khoán MB	50	48,000	50	90
146	MCM	HOSE	Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu	50	36,800	50	90
147	MIG	HOSE	Bảo hiểm Quân đội	50	20,000	50	90
148	MSB	HOSE	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	50	21,000	50	90
149	MSH	HOSE	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	42,500	50	90
150	MSN	HOSE	CTCP Tập đoàn Ma San	50	95,000	50	90
151	MWG	HOSE	Công ty cổ phần đầu tư thế giới di động	50	85,000	50	90
152	NAB	HOSE	Ngân hàng TMCP Nam Á	50	18,200	50	90
153	NAF	HOSE	CTCP NaFoods Group	50	29,800	50	90
154	NAG	HNX	CTCP Tập đoàn Nagakawa	50	16,700	50	90
155	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo	30	12,600	30	90
156	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	50	113,000	50	90
157	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng	30	15,500	30	90
158	NHA	HOSE	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	25,000	50	90
159	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	16,400	50	90
160	NKG	HOSE	Công ty cổ phần Thép Nam Kim	50	21,000	50	90
161	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	47,500	50	90
162	NNC	HOSE	Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	30	37,900	30	90
163	NO1	HOSE	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn 911	30	8,500	30	90
164	NSC	HOSE	Giống cây trồng TW	50	98,900	50	90
165	NT2	HOSE	Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50	25,000	50	90
166	NTL	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm	50	23,000	50	90
167	NTP	HNX	Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	50	76,000	50	90
168	OCB	HOSE	Ngân hàng Phương Đông	50	17,500	50	90
169	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần PinẮc quy miền Nam	50	34,900	50	90
170	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	50	41,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
171	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	50	31,400	50	90
172	PDR	HOSE	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50	21,300	50	90
173	PET	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50	42,700	50	90
174	PGC	HOSE	Tổng công ty Gas Petrolimex - CTCP	50	17,500	50	90
175	PGD	HOSE	Công ty cổ phần Phân phối khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	30	30,200	30	90
176	PGS	HNX	Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam	50	34,800	50	90
177	PHR	HOSE	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	50	68,300	50	90
178	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	31,300	50	90
179	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	41,100	50	90
180	PNJ	HOSE	Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	50	103,000	50	90
181	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	50	18,500	50	90
182	PPC	HOSE	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	12,800	50	90
183	PPT	HNX	CTCP PETRO TIMES	30	13,500	30	90
184	PSD	HNX	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	30	18,900	30	90
185	PSI	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	30	11,300	30	90
186	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	60,100	50	90
187	PVB	HNX	Công ty cổ phần Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	50	32,100	50	90
188	PVC	HNX	Tổng CT Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí	50	15,100	50	90
189	PVD	HOSE	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	50	25,100	50	90
190	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50	68,000	50	90
191	PVP	HOSE	CTCP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	19,700	50	90
192	PVS	HNX	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50	40,700	50	90
193	PVT	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Vận tải dầu khí	50	21,700	50	90
194	RAL	HOSE	CCP Phích nước Rạng Đông	50	123,200	50	90
195	REE	HOSE	Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	50	75,000	50	90
196	S99	HNX	CTCP SCI	30	12,000	30	90
197	SAB	HOSE	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50	56,300	50	90
198	SAM	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM	50	11,700	50	90
199	SBA	HOSE	CTCP Sông Ba	30	32,000	30	90
200	SBG	HOSE	CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao SIBA	30	13,000	30	90
201	SBT	HOSE	CTCP mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	50	22,800	50	90
202	SCG	HNX	CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG	50	65,000	50	90
203	SCR	HOSE	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	30	11,800	30	90
204	SCS	HOSE	CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	50	71,000	50	90
205	SGN	HOSE	Công ty phục vụ mặt đất Sài Gòn	50	86,700	50	90
206	SGR	HOSE	CTCP Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	30	32,900	30	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
207	SGT	HOSE	CTCP Công nghệ viễn thông Sài Gòn	30	20,000	30	90
208	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	50	21,000	50	90
209	SHI	HOSE	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	30	15,700	30	90
210	SHS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	50	33,000	50	90
211	SIP	HOSE	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	50	77,600	50	90
212	SJD	HOSE	CTCP Thủy điện Cần Đơn	50	18,000	50	90
213	SJE	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 11	30	23,500	30	90
214	SJS	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	50	72,500	50	90
215	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	50	14,900	50	90
216	SLS	HNX	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	50	200,000	50	90
217	SMB	HOSE	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	30	45,700	30	90
218	SSB	HOSE	Ngân hàng Đông Nam Á	50	25,000	50	90
219	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn	50	47,000	50	90
220	ST8	HOSE	Công ty Cổ phần Tập Đoàn ST8	30	8,900	30	90
221	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	65,000	50	90
222	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thế kỷ	50	31,000	50	90
223	SZC	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	41,400	50	90
224	SZL	HOSE	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	30	49,400	30	90
225	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	45,000	50	90
226	TCH	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50	26,500	50	90
227	TCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công	30	13,400	30	90
228	TCL	HOSE	Công ty cổ phần Đại lý giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng	50	40,900	50	90
229	TCM	HOSE	Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	40,800	50	90
230	TCO	HOSE	CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS	50	10,000	50	90
231	TDC	HOSE	CTCP KD Phát triển Bình Dương	30	14,500	30	90
232	TDM	HOSE	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	50	63,700	50	90
233	TDP	HOSE	Công ty Cổ phần Thuận Đức	30	35,200	30	90
234	TDT	HNX	CTCP Đầu tư phát triển TDT	20	7,800	0	0
235	THG	HOSE	Đầu tư Xây dựng Tiền Giang	50	57,000	50	90
236	TIP	HOSE	Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa	50	26,000	50	90
237	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	63,000	50	90
238	TMB	HNX	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN	50	75,100	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBD (Giá trị cổ tức bằng tiền)
239	TNG	HNX	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50	26,000	50	90
240	TPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50	24,000	50	90
241	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần TRAPHACO	30	79,100	30	90
242	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	50	74,500	50	90
243	TTA	HOSE	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tường Thành	50	14,000	50	90
244	TV2	HOSE	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	50	44,000	50	90
245	TVD	HNX	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	30	13,800	30	90
246	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	50	25,000	50	90
247	VC3	HNX	Công ty cổ phần Xây dựng số 3	50	29,100	50	90
248	VC7	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn BGI	30	12,200	30	90
249	VCB	HOSE	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50	75,000	50	90
250	VCG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	50	29,300	50	90
251	VCI	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIETCAP	50	54,000	50	90
252	VCS	HNX	Công ty cổ phần Vicostone	50	58,600	50	90
253	VDS	HOSE	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	50	22,000	50	90
254	VFG	HOSE	CTCP Khử trùng Việt Nam	50	63,400	50	90
255	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	21,800	50	90
256	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera	50	68,000	50	90
257	VGS	HNX	Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	50	35,000	50	90
258	VHC	HOSE	Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	50	68,900	50	90
259	VHM	HOSE	CTCP Vinhomes	50	85,000	50	90
260	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	50	26,500	50	90
261	VIC	HOSE	Tập Đoàn VinGroup - Công ty cổ phần	50	100,000	50	90
262	VIP	HOSE	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	50	17,500	50	90
263	VIX	HOSE	CTCP Chứng khoán VIX	50	33,500	50	90
264	VJC	HOSE	Công ty cổ phần hàng không Vietjet	50	118,000	50	90
265	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sưa Việt Nam	50	68,300	50	90
266	VNR	HNX	Tái Bảo hiểm Việt Nam	50	27,300	50	90
267	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	50	40,000	50	90
268	VPI	HOSE	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	50	55,500	50	90
269	VRE	HOSE	CTCP Vincom Retail	50	35,000	50	90
270	VSC	HOSE	Công ty cổ phần Container Việt Nam	50	35,000	50	90
271	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50	121,000	50	90
272	VTZ	HNX	CTCP Sản xuất và Thương mại nhựa Việt Thành	50	15,000	50	90
273	YEG	HOSE	CTCP Tập đoàn Yeah1	50	14,000	50	90

STT	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Tổ chức phát hành	Tỷ lệ tính sức mua sau khi thay đổi	Giá cho vay tối đa sau khi thay đổi	Tỷ lệ tính sức mua & TSBĐ (Quyền mua đã thực hiện/Cổ tức bằng CP/CP thưởng)	Tỷ lệ tính sức mua & TSBĐ (Giá trị cổ tức bằng tiền)
-----	----------------	---------------	-------------------	-------------------------------------	-------------------------------------	---	--

Ghi chú: Giá cho vay tối đa của các sự kiện quyền sẽ được tính như sau:

- Quyền mua đã thực hiện, Cổ phiếu thưởng, Cổ tức bằng cổ phiếu: Giá cho vay tối đa = (Giá cơ sở + (Giá cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua * Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) - Cổ tức bằng tiền trên 1 cổ phiếu)/(1 + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu + Tỷ lệ thực hiện cổ tức bằng cổ phiếu thưởng + Tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm dành cho quyền mua) * Hệ số rủi ro